

Bản án số:15/2019/HNGĐ-PT
Ngày 31-5-2019
Về tranh chấp tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng

Bà Vũ Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Toà án nhân thành phố Hải Ph.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Ph xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/TLPT- HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 về “tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Ph bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1700/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, nơi cư trú: Xóm 4, thôn Nhu K, xã Quốc T, huyện An D, thành phố Hải Ph, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Cù Thị Ng, nơi cư trú: Số 87 đường Phương L, phường Vạn M, quận Ngô Q, thành phố Hải Ph, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Bá Ch - Luật sư thuộc Công ty luật CMA, Đoàn luật sư thành phố Hải Ph, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT (sau đây gọi tắt là Ngân hàng CT), có trụ sở: Số 108 đường Trần Hưng Đ, quận

Hoàn K, thành phố Hà N (Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT tại Hải Ph, có trụ sở: Số 36 đường Điện Biên P, phường Máy T, quận Ngô Q, thành phố Hải Ph).

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng: Bà Vũ Thanh Nh, chức vụ: Trưởng phòng tổng hợp Chi nhánh Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT tại Hải Ph (theo Giấy ủy quyền số 868 ngày 16 tháng 11 năm 2018), vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Cù Thị Ng là bị đơn.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, thành phố Hải Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018, trong bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân H trình bày:

Ông và bà Cù Thị Ng chung sống từ năm 1982, quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc vì vậy ông đã có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Ph. Tại Bản án số 15/2018/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018, Tòa án nhân dân quận NQ đã xử cho ông được ly hôn với bà Ng. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau đó bà Cù Thị Ng kháng cáo Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Ph. Tại Bản án phúc thẩm số 06/2018/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Ph công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Xuân H và bà Cù Thị Ng; về con chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi Tòa án hai cấp xét xử, ông và bà Ng thỏa thuận được với nhau về việc chia tài sản chung của vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án chia tài sản chung vợ chồng gồm:

1. Căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng 80m² trên diện tích mặt bằng là 120m² (tại thửa đất số 210, tờ VM-25).

2. Mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là 22m² xây trên tổng diện tích 345m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph (tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số ĐK-9A).

Ông H yêu cầu Tòa án giao cho ông mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là 22m² xây trên tổng diện tích 345m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph và giao cho bà Ng căn nhà một

tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng 80m² trên diện tích mặt bằng là 120m².

Về nợ chung: Ông H và bà Ng có vay 400.000.000 đồng của Ngân hàng CT theo Hợp đồng tín dụng số 06/2015-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 19 tháng 11 năm 2015 là 300.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 0402016-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 13 tháng 4 năm 2016 là 100.000.000 đồng. Tài sản bảo đảm được thế chấp bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 29-2015/HĐTC-CTN ngày 17 tháng 11 năm 2015. Tính đến ngày 27 tháng 11 năm 2018 (ngày xét xử sơ thẩm) ông H và bà Ng còn nợ Ngân hàng số tiền 168.230.000 đồng. Ông H yêu cầu được nhận mười hai căn nhà trọ trên tổng diện tích 345m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph và nhận trách nhiệm trả nợ Ngân hàng CT 168.230.000 đồng; chia cho bà Ng căn nhà tại địa chỉ số 87 đường Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph. Không chấp nhận những khoản nợ của bà Ng đưa ra tại phiên tòa sơ thẩm vì chỉ có chữ ký một mình bà Ng.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Cù Thị Ng trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân H đã ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, bà và ông Hoà có tạo dựng được một số tài sản trong đó có căn nhà một tầng số 87 đường Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng 80 m² trên diện tích mặt bằng là 120² và mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là 22m² được xây trên tổng diện tích 345m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph. Bà và ông H đã thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam Chi nhánh Hải Ph mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn được xây trên diện tích 345 m² để vay số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng). Bà và ông H còn nợ Ngân hàng 168.230.000 đồng. Quan điểm của bà Ng là căn nhà số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph để lại cho các con; sau khi trả hết nợ cho Ngân hàng và một số nợ khác là 615.000.000 đồng, bà Ng đồng ý chia đôi mười hai gian nhà trọ được xây trên diện tích đất 345 m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph.

Theo kết luận của Hội đồng định giá, định giá nhà và đất tại số 87 đường Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph là 2.961.763.071 đồng; nhà và đất tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph có giá trị là 2.120.541.703 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam trình bày: Vợ chồng ông Nguyễn Xuân H, bà Cù Thị Ng và Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam – Chi nhánh Hải Ph đã ký kết Hợp

đồng tín dụng số 0402016-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 13 tháng 4 năm 2016 với số tiền vay 100.000.000 đồng và Hợp đồng tín dụng số 06/2015-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 19 tháng 11 năm 2015 với số tiền vay 300.000.000 đồng. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hai hợp đồng trên, ông H và bà Ng đã ký hợp đồng thế chấp số công chứng 6415/HĐTC/2015 ngày 17 tháng 11 năm 2015 và văn bản sửa đổi hợp đồng thế chấp tại Văn phòng Công chứng Đất Cảng, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với thửa đất tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H và bà Ng chấp hành đầy đủ nghĩa vụ trả nợ. Hiện nay, ông H và bà Ng đang tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn tại Tòa án, quan điểm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam - Chi nhánh Hải Ph yêu cầu ông H và bà Ng phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phí theo hai hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng trước khi chia tài sản chung. Tính đến ngày xét xử ngày 27 tháng 11 năm 2018 ông H và bà Ng còn nợ ngân hàng số tiền là 168.230.000 đồng. Nếu ông H và bà Ng không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hai hợp đồng tín dụng đã ký kết, Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản là thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại tổ 34C, cụm 5, phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph.

Tại Bản án số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân quận NQ đã quyết định:

1. Giao cho ông Nguyễn Xuân H mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là $22m^2$ được xây trên tổng diện tích $345m^2$ tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph.

Ông Nguyễn Xuân H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần CT Việt Nam tính đến ngày xét xử ngày 27 tháng 11 năm 2018 số tiền là 168.230.000 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0402016-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 13 tháng 4 năm 2016 và Hợp đồng tín dụng số 06/2015-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 19 tháng 11 năm 2015. Ông Nguyễn Xuân H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền chậm trả kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng.

2. Giao cho bà Cù Thị Ng căn nhà một tầng tại số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng $80m^2$ xây trên diện tích mặt bằng là $120m^2$.

Ngày 07 tháng 12 năm 2018, Toà án nhân dân quận NQ nhận được đơn kháng cáo đề ngày 03 tháng 12 năm 2018 của bà Cù Thị Ng yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với lý do:

1. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, đánh giá quyền sử dụng đất tại thửa số 210, tờ bản đồ VM-25 phường Vạn Mỹ, quận NQ chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Hội đồng định giá lại định giá theo bảng giá đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chưa tính đến nghĩa vụ của người sử dụng đất phải nộp cho nhà nước là chưa chính xác. Bà Ng đã yêu cầu Hội đồng xét xử xác định giá trị tài sản trên đất và quyền sử dụng đất có giá trị khoảng 2,2 tỷ đến 2,5 tỷ đồng để làm căn cứ phân chia tài sản nhưng không được Hội đồng xét xử xem xét.

2. Các hợp đồng vay tiền, xác nhận nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đều có văn bản, giấy tờ xác nhận tính chính xác nhưng Hội đồng xét xử không xem xét, đánh giá.

3. Tại phiên toà sơ thẩm, bà Ng yêu cầu Hội đồng xét xử đưa các chủ nợ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Bà Ng yêu cầu chia cho bà mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là 22 m² được xây trên diện tích đất 345 m² tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph có thửa số 86, tờ bản đồ ĐK-9A, phường Đông Khê, quận NQ, Hải Ph. Và toàn bộ số nợ bà đã kê khai là 2,5 tỷ đồng, mỗi người có trách nhiệm trả ½.

Ngày 13 tháng 12 năm 2019, Toà án nhân dân quận NQ nhận được Quyết định kháng nghị đề ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ yêu cầu cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm với lý do:

1. Bản án tuyên giao tài sản là quyền sử dụng 345m² đất và 12 gian nhà trọ tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph là không có cơ sở vì tài sản này đã được thế chấp cho Ngân hàng và Ngân hàng có ý kiến chỉ xem xét phân chia tài sản khi ông Hoà và bà Ng đã hết nợ cho Ngân hàng. Ông Hoà và bà Ng phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ của Ngân hàng.

2. Bản án sơ thẩm tuyên giao quyền sử dụng căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng 80m² xây trên diện tích mặt bằng là 120m² cho bà Ng nhưng trong hồ sơ chưa có biên bản xác minh nguồn gốc đất, trong hồ sơ chỉ có một tài liệu chuyển nhượng nhưng không xác định được người chuyển nhượng có đúng là người có quyền sử dụng đất không và cần xác định lại giá trị của tài sản này khi chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

3. Bản án không xác định công sức đóng góp của mỗi người trong gia đình; Toà án không đưa ông Hoàng Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi ông Việt có đơn đề nghị về việc bà Ng và ông Hoà có nợ ông Việt 50.000.000 đồng.

4. Bản án tuyên ông Hoà phải chịu án phí sơ thẩm nhưng đến ngày ông Hoà đã 60 tuổi là không đúng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Tòa án nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Xét tính có căn cứ và hợp pháp của **kháng nghị** thấy:

Kháng nghị của VKSND quận NQ gồm 3 nội dung:

Thứ nhất, bản án sơ thẩm tuyên giao tài sản là quyền sử dụng 345m² đất và 12 căn nhà trọ trên đất có diện tích 22m²/ 1 căn tại tổ 34C cụm 5 Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph cho ông H là không có cơ sở, bởi lẽ tài sản trên đang được thế chấp tại Ngân hàng để vay số tiền 400 triệu đồng. Xét thấy mặc dù tài sản trên đang được thế chấp tại ngân hàng nhưng bản án sơ thẩm đã tuyên nghĩa vụ của ông H là người có trách nhiệm trả số tiền vợ chồng ông H, bà Ng còn thiếu là 168.230.000 đồng cho Ngân hàng, sau khi xét xử sơ thẩm ngân hàng không kháng cáo gì về nội dung này. Vì vậy, việc thay đổi nghĩa vụ từ vợ chồng ông H, bà Ng sang ông H không làm ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Ph xét thấy không cần thiết phải sửa bản án như nội dung Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã kháng nghị.

Thứ hai, kháng nghị của Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đối với việc Tòa án sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ nguồn gốc diện tích 120m² đất tại số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph, các con ông H, bà Ng có đóng góp công sức gì đối với khối tài sản chung hay không, bỏ sót người tham gia tố tụng là ông Hoàng Việt. Xét thấy sau khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập bổ sung chứng cứ, xác định làm rõ nguồn gốc diện tích 120m² tại 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ là tài sản chung của bà Ng và ông H mặc dù chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; các con ông H, bà Ng trình bày có đóng góp cho bà Ng số tiền 100 triệu đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc này; ông Hoàng Việt có trình bày về việc cho ông H, bà Ng vay số tiền 50 triệu đồng, chuyển khoản cho bà Ng số tiền 25 triệu đồng. Tại phiên tòa ông H cũng cung cấp chứng cứ đã chuyển vào tài khoản của Hoàng Việt số tiền 100 triệu đồng. Bản thân ông H không thừa nhận khoản vay như ông

Việt trình bày, ông Việt không cung cấp được giấy vay nợ. Vì vậy, cần xác định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận NQ đối với việc thu thập bổ sung chứng cứ là có cơ sở. Tuy nhiên do kết quả thu thập chứng cứ không làm ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ của vụ án nên không cần thiết phải xem xét sửa bản án sơ thẩm về các nội dung đã kháng nghị.

Thứ ba, bản án sơ thẩm tuyên ông H phải nộp án phí nhưng đến ngày xét xử sơ thẩm 27 tháng 11 năm 2018 ông H đã 60 tuổi nhưng Tòa án lại tuyên ông H phải chịu án phí sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đối với phần án phí của ông H theo hướng ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Xét tính có căn cứ và hợp pháp của **kháng cáo** thấy

Bị đơn kháng cáo về các nội dung sau:

Thứ nhất, không chấp nhận kết quả của Hội đồng định giá quận NQ. Xét thấy, tại Công văn số 16 ngày 05/11/2018 của Hội đồng định giá Quận NQ đã chỉ rõ các căn cứ để xác định đơn giá của cả thửa đất này. Sau khi nhận kết quả định giá, tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 08 tháng 11 năm 2018, các bên không có ý kiến gì về kết quả định giá. Xét thấy không có căn cứ nào thể hiện việc định giá này là không khách quan nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn về nội dung này.

Thứ hai, các hợp đồng vay tiền, xác nhận nghĩa vụ chung của vợ chồng đều trong thời kỳ hôn nhân, dùng vào việc chi tiêu trong gia đình nhưng Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm không xem xét là không khách quan.

Theo quy định tại Điều 27 Luật HNGĐ năm 2014 quy định: Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24; 25 và 26 của Luật này. Đối với các khoản vay bà Ng đưa ra mặc dù được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân nhưng không có khoản vay nào thể hiện có sự đồng ý của ông H. Bà Ng cũng trình bày ông H không biết các khoản vay này, bà vay nợ phục vụ cho việc kinh doanh bất động sản, xây nhà cho con, cưới xin, trả nợ... Xét thấy, việc trả nợ cho con đã thành niên không thuộc trường hợp là nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng; hợp đồng đặt cọc chỉ có một mình bà Ng ký không có chữ ký của ông H nên ông H không có nghĩa vụ đối với khoản phạt cọc này. Đối với các khoản vay để chi phí cho việc sửa nhà, chi phí cưới vợ cho con không thuộc vào chi phí thiết yếu của gia đình. Các khoản vay đều là vay cá nhân của bà Ng nên ông H không có nghĩa vụ phải chịu trách nhiệm trả nợ chung. Đối với các khoản

vay của con là 404 triệu đồng có chữ ký của cả ông H, bà Ng, tại phiên tòa các bên trình bày đã bán đi một căn nhà để trả nợ khoản tiền này. Đối với số tiền 2,5 tỷ đồng bà Ng trình bày đã vay của một số người như bà Thanh, ông Thành, bà Thủy... Ông H xuất trình Công văn số 1532 ngày 21 tháng 5 năm 2019 thể hiện bà Thanh không cho bà Ng vay số tiền 1,5 tỷ đồng. Những người cho vay như ông Thành, bà Thủy... không ai đề nghị xem xét giải quyết khoản nợ này do vậy không cần thiết phải đưa những người đã cho vay vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Không chấp nhận kháng cáo của bà Ng về nội dung này.

Thứ ba, Tòa án cấp sơ thẩm chia tài sản không khách quan. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định bà Ng có nhiều công sức đóng góp hơn so với ông H đối với khối tài sản chung đang tranh chấp. Nên đã chia cho bà Ng giá trị căn nhà 87 Phương Lưu có giá trị lớn hơn so với diện tích đất tại tổ 34C cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph (phần của ông H) và ông H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền 168.230.000 đồng. Việc phân chia như vậy là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Ng đối với nội dung này.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận NQ về phần án phí, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Ng. Sửa bản án sơ thẩm về phần án phí sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn bà Cù Thị Ng cư trú và tài sản tranh chấp là bất động sản trên địa bàn quận NQ, thành phố Hải Ph nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận NQ, thành phố Hải Ph.

[2] Về sự vắng mặt của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

- Xét nội dung kháng cáo:

[3] Về định giá quyền sử dụng đất tại thửa số 210, tờ bản đồ VM-25 (căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng 80m² trên diện tích mặt bằng là 120m²): Tài liệu trong hồ sơ thể hiện, theo yêu cầu của đương sự, Tòa án nhân dân quận NQ đã tiến hành định giá

tài sản đang tranh chấp theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 05 tháng 11 năm 2018, Hội đồng định giá có kết luận về giá, xác định giá thị trường tại thời điểm định giá khoảng 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng. Ngày 08 tháng 11 năm 2018, Toà án nhân dân quận NQ mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Biên bản định giá tài sản, Công văn số 16/HĐ-ĐG ngày 05 tháng 11 năm 2018 của Hội đồng định giá. Phiên họp có mặt bà Ng và ông Hoà nhưng không ai có ý kiến gì về các chứng cứ đã được công khai. Do vậy tại phiên toà sơ thẩm, bà Ng yêu cầu xem xét lại giá trị thửa đất nhưng không được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Kháng cáo về các hợp đồng vay tiền, xác nhận nghĩa vụ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đều có văn bản, giấy tờ xác nhận tính chính xác nhưng Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét, đánh giá: Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng trình bày do tiền lương của ông bà không đủ chi phí cho sinh hoạt gia đình nên bà phải làm ăn kinh doanh về bất động sản. Do vậy bà phải vay mượn để làm ăn. Ông H biết bà kinh doanh nhưng ông H không quan tâm đến công việc làm ăn của bà, việc bà vay mượn tiền để làm ăn ông H không biết. Lời khai của bà Ng phù hợp với các tài liệu là các giấy vay nợ do bà Ng cung cấp cho Toà án đều là chữ viết của bà Ng. Tại các giấy vay nợ chỉ có chữ ký của bà Ng và người cho vay, không có chữ ký của ông Hoà. Ông Hoà không thừa nhận các khoản nợ do bà Ng đưa ra. Như vậy lời khai của bà Ng phù hợp lời khai của ông H. Bà Ng không chứng minh được các khoản nợ là nợ chung của hai ông bà. Tại Biên bản phiên toà sơ thẩm thể hiện Hội đồng xét xử đã làm rõ các yêu cầu của bà Ng nhưng không có căn cứ chấp nhận. Tại giai đoạn phúc thẩm, bà Ng có đơn trình bày còn nợ của chị Phan Thị Hoài Thanh, anh Cù Viết Thanh, chị Nguyễn Thị Thúy và anh Trịnh Văn Thuần, anh Hoàng Việt, chị Nguyễn Thị Hồng và giao nộp các bản gốc của giấy vay nợ nhưng những giấy vay nợ này cũng chỉ có một mình bà Ng ký giấy vay mà không có ông Hoà. Duy nhất chỉ có một tài liệu giữa ông Hoà và bà Ng xác nhận số nợ 404.000.000 đồng là tiền ông bà trả nợ cho con trai nhưng về khoản nợ này, ông H trình bày ông bà đã bán một căn nhà để trả hết nợ. Lời khai của ông H phù hợp lời khai của bà Ng tại phiên tòa phúc thẩm khai ông bà đã bán một tài sản chung khác của vợ chồng để trả nợ cho con trai, số nợ này hiện không còn. Ngoài ra các tài liệu khác là Công văn số 1532/BTL-Ct ngày 21 tháng 5 năm 2019 Bộ Tư lệnh vùng 1 Quân Chung Hải quân trả lời đơn tố cáo của ông H đối với bà Phan Thị Hoài Thanh thể hiện bà Phan Thị Hoài Thanh khai do bà Ng hai lần gọi điện cho bà Thanh yêu cầu bà Thanh xác nhận giúp số nợ là 1.500.000.000 đồng và yêu cầu đòi giúp số nợ trên nhưng bà Thanh không đồng ý. Đối với ông Hoàng Việt trình bày có cho vợ chồng ông H vay 75.000.000 đồng nhưng không có giấy viết

vay nợ và đưa trực tiếp cho ông H nhưng ông H không thừa nhận. Những người khác đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Từ các tài liệu chứng cứ do bà Ng cung cấp và lời khai của bà Ng tại phiên tòa phúc thẩm thấy các yêu cầu về thanh toán nợ chung của bà Ng nêu ra không đủ căn cứ xác định đó là những khoản nợ chung của bà Ng và ông Hoà. Do không có căn cứ để xác định các khoản nợ do bà Ng khai là nợ chung của ông H và bà Ng nên tòa án cấp sơ thẩm không xác định họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử sơ thẩm cũng đã xem xét và giải quyết các yêu cầu của bà Ng và không chấp nhận vì chưa đủ chứng cứ, khi nào bà Ng có đủ chứng cứ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nếu bà Ng và các chủ nợ có yêu cầu, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên.

[5] Từ các nhận định như trên thấy nội dung kháng cáo yêu cầu ông Hoà có trách nhiệm đối với $\frac{1}{2}$ khoản nợ 2,5 tỷ đồng không có căn cứ chấp nhận.

[6] Bản án sơ thẩm nhận định ông Nguyễn Xuân H và bà Cù Thị Ng thống nhất trong thời kỳ hôn nhân, ông bà có tài sản chung là căn nhà một tầng số 87 đường Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng $80m^2$ trên diện tích mặt bằng là $120m^2$ và mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là $22m^2$ được xây trên tổng diện tích $345m^2$ tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph. Căn cứ vào kết luận định giá của Ủy ban nhân dân quận NQ định giá căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu có giá trị là 2.961.763.071 đồng; mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là $22m^2$ xây trên tổng diện tích $345m^2$ có giá trị là 2.120.541.703 đồng. Và đánh giá các chứng cứ thấy công sức đóng góp của bà Ng vào khối tài sản chung nhiều hơn so với ông H nên giao mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là $22m^2$ được xây trên tổng diện tích $345m^2$ tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph cho ông Nguyễn Xuân H; giao căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph cho bà Cù Thị Ng. Ông Nguyễn Xuân H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam là phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho bà Ng nên có căn cứ chấp nhận. Tại văn bản ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Ngân hàng trình bày ông H và bà Ng còn nợ Ngân hàng tiền gốc là lãi tính đến ngày 30 tháng 5 năm 2019 là 128.338.210 đồng do vậy ông H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 128.338.210 đồng cho Ngân hàng.

- Xét nội dung kháng nghị:

[7] Về quyền sử dụng $345m^2$ đất và 12 gian nhà trọ tại tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph hiện đang thế chấp tại Ngân hàng: Đây là tài sản chung của ông Hoà và bà Ng. Ông Hoà, bà Ng đã ly hôn, sau đó yêu

cầu chia tài sản sau khi ly hôn. Ông bà thừa nhận đến ngày xét xử sơ thẩm, ông bà còn nợ Ngân hàng 168.230.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông Hoà nhận trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng khi ông được giao tài sản này. Mặc dù tài sản này hiện đang thế chấp tại Ngân hàng nhưng xét việc trả số nợ của ông Hoà đối với Ngân hàng là tự nguyện, phù hợp quy định của luật và tài sản chung của vợ chồng phải được giải quyết khi họ có yêu cầu. Toà án cấp sơ thẩm giao nhà và đất trên cho ông Hoà sở hữu và ông Hoà có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là quyền lợi của Ngân hàng vẫn được đảm bảo. Do vậy, kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ căn cứ vào lời khai của Ngân hàng và cho rằng tài sản chung chỉ được giải quyết khi ông Hoà và bà Ng đã trả xong số nợ cho Ngân hàng là không đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Căn nhà số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph giao cho bà Ng nhưng chưa xác minh nguồn gốc đất: Tại cấp sơ thẩm, bà Ng có giao nộp cho Toà án tài liệu chứng minh về nguồn gốc đất có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ, quận NQ. Tài liệu này được ông Hoà thống nhất là đúng. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ cũng cung cấp cho Toà án nhân dân quận NQ biên bản xác định ranh giới mốc giới thửa đất của ông Hoà có số thửa 210, tờ bản đồ VM-25, số hiệu mảnh bản đồ gốc 309600-3-1, diện tích đất đang sử dụng 142,9m² và có hồ sơ kỹ thuật thửa đất. Tại cấp phúc thẩm xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Vạn Mỹ cung cấp bản đồ địa chính năm 2002 và sổ mục kê tạm hiện trạng sử dụng đất đai phường Vạn Mỹ năm 2002 thì thửa đất số 87 Phương Lưu thuộc thửa 210, chủ sử dụng đất là Hoà, diện tích đất 142,9m². Thửa đất số 87 Phương Lưu do ông Nguyễn Xuân Hoà và bà Cù Thị Ng đang quản lý sử dụng, chưa làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Và diện tích đất thực tế của thửa 87 Phương Lưu là 120m². Như vậy, bản án sơ thẩm nhận định nhà và đất tại 87 Phương Lưu là tài sản chung của ông Nguyễn Xuân Hoà và bà Cù Thị Ng và giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của họ là có căn cứ.

[9] Bản án sơ thẩm không xác định công sức đóng góp của mỗi người trong gia đình: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông H và bà Ng không trình bày công sức đóng góp của các con vào khối tài sản chung của vợ chồng. tại phiên tòa sơ thẩm bà Ng cho rằng có công sức của các con, bà Ng không xuất trình được chứng cứ cung cấp cho tòa án cấp sơ thẩm, ông H cho rằng các con chỉ ở nhờ không có đóng góp gì. Tại cấp phúc thẩm, các con của bà Ng khai có đóng góp nhưng xác nhận không có chứng cứ chứng minh công sức đóng góp của mình. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Ng khai con trai là Thuận đưa cho bà 100.000.000 đồng nhưng không nói cho ông H biết. Anh Thuận đưa tiền cho bà vào thời gian nào bà không nhớ và không có tài liệu chứng minh anh Thuận đã đóng góp cho bà 100.000.000 đồng. Mặt khác, ông bà khai quá trình hôn nhân ông bà đã phải bán

nhà để trả nợ cho anh Thuận nên không có căn cứ cho rằng các con của ông Hoà bà Ng có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của ông bà.

[10] Tòa án không đưa ông Hoàng Việt vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khi ông Việt có đơn đề nghị về việc bà Ng và ông Hoà có nợ ông Việt 50.000.000 đồng: Ông Hoàng Việt có đơn gửi Tòa án quận NQ đề nghị về việc ông H và bà Ng nợ ông số tiền 50.000.000 đồng, số tiền này ông đã trực tiếp giao cho ông H tại Phòng Công chứng Gia Phúc số 43 đường Trần Phú, nhưng không viết giấy vay nợ. Tại cấp phúc thẩm, ông Hoàng Việt có giấy xác nhận vay tiền trình bày ông Hoà và bà Ng vay ông tổng số tiền là 75.000.000 đồng, có mặt bà Ng và cháu Thái xác nhận tại phòng Công chứng Trần Phú nhưng không viết giấy vay nợ. Như vậy, lời khai của ông Việt tại hai cấp xét xử đã mâu thuẫn nhau. Ông Việt cho rằng ông đưa tiền cho ông Hoà nhưng ông Hoà không thừa nhận, ngoài ra ông Việt không có chứng cứ nào khác chứng minh số tiền vay là nợ chung của ông Hoà bà Ng nên yêu cầu của ông Việt không có căn cứ chấp nhận. Do vậy không cần thiết phải xác định ông Việt là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định nếu ông Việt có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình thì sẽ được giải quyết bằng vụ án dân sự khác là đảm bảo quyền lợi cho ông Việt.

[11] Ông Hoà sinh ngày 10 tháng 8 năm 1958, tính ngày toà án xét xử sơ thẩm ông Hoà đã đủ 60 tuổi nhưng toà án cấp sơ thẩm vẫn quyết định ông Hoà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trong khi đó khi ông Hoà nộp đơn khởi kiện, ông Hoà chưa đủ 60 tuổi thì toà án cấp sơ thẩm lại miễn nộp tạm ứng án phí cho ông Hoà. Như vậy, nội dung kháng nghị này của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ có căn cứ chấp nhận.

[12] Từ những nhận định trên, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, không chấp nhận kháng cáo của bà Cù Thị Ng, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm bị sửa một phần, nên người kháng cáo là bà Cù Thị Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân quận NQ, không chấp nhận kháng cáo của bà Cù Thị Ng: Sửa bản án số 73/2018/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận NQ về phần án phí:

1.1. Giao cho ông Nguyễn Xuân H mười hai gian nhà trọ một tầng mái tôn, mỗi gian nhà diện tích là $22m^2$ được xây trên tổng diện tích $345m^2$ tại địa chỉ: Tổ 34C, cụm 5 phường Đông Khê, quận NQ, thành phố Hải Ph.

Ông Nguyễn Xuân H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần CT Việt Nam tính đến ngày xét xử ngày 27 tháng 11 năm 2018 số tiền là 168.230.000 đồng theo 02 hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 0402016-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 13 tháng 4 năm 2016 và Hợp đồng tín dụng số 06/2015-HĐTD/NHCT160-CTN ngày 19 tháng 11 năm 2015. Ông Nguyễn Xuân H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với các khoản tiền chậm trả kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp hết thời hạn hợp đồng, ông Hoà không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

1.2. Giao cho bà Cù Thị Ng căn nhà một tầng số 87 Phương Lưu, phường Vạn Mỹ, quận NQ, thành phố Hải Ph với diện tích xây dựng $80m^2$ xây trên diện tích mặt bằng là $120m^2$.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Xuân H là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ng phải nộp 89.235.261 đồng (tám chín triệu, hai trăm ba năm nghìn, hai trăm sáu một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Bà Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Ph;
- Tòa án nhân dân quận NQ;
- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Ph;
- Chi cục THADS quận NQ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đặng Hồ Điệp